

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN NHƠN TRẠCH Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 26/4/2024.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thanh Phương.

2. Ông Hoài Đức Huệ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 210/2024/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1973.

HKTT: Tổ A, ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số nhà I, tổ F, ấp A, xã H, huyện N, Thành Phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Anh Vương T, sinh năm 1977.

HKTT: Tổ A, ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị M, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn – chị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vương T kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng đầu năm 2016, nhưng sau đó, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị và con chung dọn ra ở riêng, còn anh T vẫn ở ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung tên Vương Tấn S, sinh ngày

20/11/2011. Ly hôn, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu S, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, anh Vương T không có mặt tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến nộp Tòa án.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch:* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Chị M và anh T yêu thương, chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Anh chị chung sống hạnh phúc cho đến khoảng đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Do chị M và anh T kết hôn vào năm 2009 nên anh chị có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật HNGĐ năm 2000. Nhận thấy, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M.

- Về con chung: Có một con chung tên Vương Tấn S, sinh ngày 20/11/2011. Ly hôn, chị M yêu cầu giao con chung cho chị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu trên của chị M là phù hợp, đề nghị Tòa án chấp nhận.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị M phải nộp án phí theo quy định của Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ về việc tham gia phiên tòa đối với nguyên đơn- chị Nguyễn Thị Thanh M và bị đơn – anh Vương T, nhưng chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị M, anh T.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Theo biên bản xác minh tại UBND xã P thì anh Vương T có nơi cư trú và đang sinh sống tại ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M, anh T UBND xã P không nắm rõ.

Xét thấy: Chị M và anh T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn khi có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ năm 2000, và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2009 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau và vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, chị Mai một mực cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định chị M, anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vi phạm nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, xử cho chị M được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng chị M, anh T có một con chung tên Vương Tấn S, sinh ngày 20/11/2011. Ly hôn, chị M yêu cầu giao con chung cho chị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Hiện cháu S đang cùng chung sống với chị M. Tại bản tự khai, cháu S có nguyện vọng chung sống với chị M.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu S về điều kiện môi trường sống (vật chất, tinh thần), giáo dục, nuôi dưỡng, nên việc chấp nhận yêu cầu của chị M về việc giao cháu S cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với ý chí của các đương sự và theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng: Tạm thời không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh M về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” đối với anh Vương T, xử cho chị M được ly hôn anh T.

Về con chung: Giao cháu Vương Tấn S, sinh ngày 20/11/2011 cho chị Nguyễn Thị Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Tạm thời không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị M, anh T có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị M, anh T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0017112 ngày 22/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, chị M đã nộp đủ xong.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND h. Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS h. Nhơn Trạch;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương